TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 05 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Ngọc Lan;

2. Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/1980, tại xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Khu 3, xã M, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, nơi cư trú: khu 3, xã M Hạc, huyện H, tỉnh P và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Đức C, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khu 3, xã M, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Sao B, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Khu 3, xã M, huyện H, tỉn P. Có mặt.

+ Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khu 4, xã M, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

+ Anh Phan Văn T , sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/07/2024, Nguyễn Văn L đến nhà ông Nguyễn Văn T *(sinh năm 1958 ở khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P)* để mua của ông T 11 cây gỗ keo; các cây gỗ keo này cao khoảng 10 mét, đường kính gốc từ khoảng 12 đến 25 cm, được trồng tại khu vực bờ ao giáp với đường liên xã thuộc khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P, cách nhà ở của gia đình ông T khoảng 300 mét (đường liên xã này đi qua các xã Y, L và giao với Quốc lộ 2D).

Chiều ngày 24/07/2024, L thuê anh Nguyễn Quốc T *(sinh năm 1987),* anh Trần Ngọc T *(sinh năm 1981), đều ở xã M, huyện H, tỉnh P* và anh Phan Văn T *(sinh năm 1989 ở khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P)* đến khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P khai thác các cây gỗ keo mua được. L cùng với những người được thuê dùng cưa máy cắt gốc cho các cây ca keo đổ xuống. Do các cây gỗ này bị đổ xuống ao sâu hơn so với mặt đường nên L cùng những người được thuê đã sử dụng dây cáp và xe công nông tự chế của L kéo các cây gỗ lên lề đường.

Do làm việc chưa xong nên sáng ngày 25/07/2024, L tiếp tục thuê anh T, anh T và anh T đến khu vực khai thác gỗ để kéo gỗ và cắt nốt số gỗ keo đang nằm dưới bờ ao. L phân công cho anh T và anh T làm nhiệm vụ buộc dây cáp vào gốc cây gỗ keo cần kéo, anh T làm nhiệm vụ cảnh giới những người tham gia giao thông theo hướng từ Quốc lộ 2D đi đến xã Y (L không phân công ai làm nhiệm vụ cảnh giới những người tham gia giao thông theo hướng ngược lại). Còn L dùng 01 sợi dây cáp dài 13,8 m, đường kính 0,5 cm (có 01 đầu dây nối với dây vải đã được anh T và anh T buộc sẵn vào khúc gỗ cần kéo, 01 đầu cáp còn lại được L buộc vào đuôi xe công nông tự chế), L trực tiếp lái xe này để kéo gỗ.

Khoảng 07 giờ 00 cùng ngày, anh Bùi Đức C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19F1-296.86 đi theo hướng từ xã Yên Luật đi tới quốc lộ 2D, đúng lúc đó, L điều khiển xe tự chế để kéo gỗ dưới ao lên theo hướng từ bên phải đường sang bên trái đường bằng sợi dây cáp nối đang căng ngang qua đường, khiến anh C va chạm với dây cáp. Dây cáp mắc vào cổ anh C làm cho anh C bị ngã về phía sau, nằm ngửa ở giữa đường, xe mô tô tiến về phía trước đổ nghiêng tại lề đường bên trái. Sau đó, L hô hoán mọi người đưa anh C đến Trung tâm y tế huyện H để cấp cứu. Tại thời điểm va chạm, cây gỗ keo nằm ở lề đường bên phải, còn xe công nông tự chế nằm tại bãi đất trống hoàn toàn phía trong lề đường bên trái (phần đuôi xe hướng lòng đường), nối giữa cây gỗ và xe tự chế là sợi dây cáp kéo ngang qua đường. Đoạn đường xảy ra va chạm có đặc điểm

cong cua về bên trái. Khi đó, anh C điều khiển xe đi đúng phần đường của mình, có Giấy phép lái xe hạng A1, đủ điều kiện lái xe máy, không có vi phạm về nồng độ cồn, không sử dụng ma túy, rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác. Anh C bị thương tại vùng cổ, vai phải và lưng phải điều trị tại nhiều cơ sở y tế từ ngày 25/7/2024 đến ngày 04/9/2024 thì ra viện. Hậu quả anh C bị tổn thương cơ thể 73 %.

*** Tài liệu khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là đường liên xã thuộc khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P. Đoạn đường có đặc điểm cong cua về bên trái theo chiều khám nghiệm, mặt đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, ở giữa mặt đường có vạch sơn màu vàng đứt đoạn phân chia hai chiều xe chạy, mặt đường rộng 5,7m; lề đường bên phải rộng 1,3m, tiếp giáp ta luy âm và bờ ao; lề đường bên trái rộng 1,6m, tiếp giáp với bãi đất trống.

Xác định tâm của cột điện ký hiệu số TBA-24 tại lề đường bên trái theo chiều khám nghiệm, cách mép đường 3,2 mét làm điểm mốc cố định.

Chọn chiều từ xã Y đi Quốc lộ 2D làm chiều khám nghiệm, chọn mép đường bên phải theo chiều khám nghiệm làm mép đường chuẩn.

Mô tả thứ tự phương tiện, tang vật, dấu vết:

- Bãi dịch màu nâu đỏ (đánh số 01), tâm vết dịch cách mép đường chuẩn 2,1 mét, cách điểm mốc cố định bên trái đường 37,2 mét về hướng Quốc lộ 2D.

- Tại bãi đất trống bên trái đường theo chiều khám nghiệm phát hiện 01 xe tự chế được sơn màu xanh (đánh số 2), đuôi xe hướng lòng đường. Xe tự chế nằm hoàn toàn phía trong lề đường bên trái theo chiều khám nghiệm. Trên thùng xe có 01 dây cáp bằng kim loại được cuốn thành các vòng tròn dài 13,8 mét, đường kính 0,5 cm, hai đầu dây cáp được gập lại với nhau bằng vòng kim loại và 03 sợi dây vải, trong đó 02 dây vải có chiều dài 3,80 mét, rộng 0,7 cm; 01 sợi dây vải có chiều dài 2,70 mét, rộng 0,7 cm. Dây cũ đã qua sử dụng.

- Cây gỗ ca keo nằm dưới ta luy âm bên bên phải đường (đánh số 3), có phần gốc nằm trên thành ta luy, phần ngọn nằm dưới ao, cây gỗ dài 5 mét, đường kính gốc 0,25 mét. Tâm đầu gốc cây cách mép đường chuẩn là 13,80 mét, xung quanh có nhiều cành lá và phần gốc cây cây ca keo.

- Bãi cỏ đổ rạp tại lề đường bên trái (đánh số 4), có chiều đổ rạp theo chiều khám nghiệm, kích thước (6x0,6) mét. Tâm bãi cỏ cách (3) là 39 mét, cách mép đường chuẩn là 5,9 mét.

- Xe mô tô BKS: 19F1-296.86 màu đỏ đen nằm đổ nghiêng tại bãi cỏ bên trái đường (đánh số 4), đầu xe hướng lề đường bên trái theo chiều khám nghiệm. Trục xe phía sau cách mép đường chuẩn 6,1 mét, trục bánh xe phái trước bên phải cách mép đường chuẩn là 6,3 mét. Trục xe phía sau bên phải cách vết số 4 là 3,15 mét.

- Tại lề đường bên phải phát hiện 01 đống gỗ nằm ngang so với lề đường, gồm nhiều đoạn gỗ đã được cắt ngắn, đống gỗ có kích thước (2,7x1,3) mét, tâm đầu đống gỗ cách mép đường bên phải là 1,7 mét.

*** Tài liệu khám nghiệm phương tiện:**

- Xe tự chế sơn màu xanh (xe công nông): Phát hiện cuối thành xe phía sau bên phải có bao tải được buộc ở thành xe, điểm buộc bao tải cao nhất cách mặt đất là 1,15 mét. Ngoài ra không ghi nhận nội dung gì liên quan đến việc cản trở giao thông.

- Xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ đen, biển kiểm soát: 19F1-298.86 phát hiện: Mặt sau gương chiếu hậu bên phải có vết bùn đất kích thước 20m x 7cm.

*** Tài liệu giám định về nồng độ cồn (Ethanol), ma túy trong máu:**

Tại bản "Kết luận giám định hóa pháp" số 2137/PY-XNĐH ngày 15/8/2024 của Viện pháp y Quân đội - Cục Quân y kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy đã phân tích trong mẫu máu của anh Bùi Đức C.

Tại bản "Kết luận giám định" số 1057/KL-KTHS ngày 01/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Trong mẫu máu của anh Bùi Đức C gửi đến giám định không có cồn (Ethanol).

*** Tài liệu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, cơ chế hình thành thương tích đối với anh Bùi Đức C:**

Tại bản "Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống" số 184/ KLTTCT/TTPY ngày 10/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh P, kết luận:

*"**1. Các kết quả chính:***

- Vết sẹo trước cổ: 04%.

- Tổn thương khí quản: 15%.

- Mở khí quản đặt canuyn: 03%.

- Tổn thương thanh quản gây sẹo hẹp thanh quản không nói được phải giao tiếp bằng hình thức khác: 61%.

- Vết sẹo số một vùng ngực phải (sẹo phẫu thuật): 01%.

- Vết sẹo số hai vùng ngực phải (sẹo phẫu thuật): 01%.

- Tràn khí khoang màng phổi phải phẫu thuật dẫn lưu khoang màng phổi không để lại di chứng: 05%.

- Vết sẹo số một ngực trái (sẹo phẫu thuật): 01%.

- Vết sẹo số hai ngực trái (sẹo phẫu thuật): 01%.

- Tràn khí khoang màng phổi trái phẫu thuật dẫn lưu khoang màng phổi không để lại di chứng: 05%.

- Vết sẹo vai bên trái: 01%.

- Vết sẹo vùng lưng: 01%.

- Tại thời điểm giám định sưng nề phần mềm vùng đỉnh phải và thái dương trái nay không để lại tổn thương gì nên Trung tâm pháp y không có căn cứ xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

Áp dụng phương pháp cộng tại thông tư: 73,49%.

Làm tròn: 73%"

2. Kết luận tại thời điểm giám định:

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BYT ngày 30/11/2022 của Bộ y tế ban hành quy trình, biểu mẫu, thời hạn, nhân lực thực hiện giám định pháp y. Căn cứ Thông

tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Bùi Đức Công là: 73% (Bảy mươi ba phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Vết sẹo trước cổ, tổn thương thanh quản, khí quản; tràn khí khoang màng phổi hai bên: Do tác động bởi vật cứng gây nên.

- Mở khí quản, 04 vết sẹo vùng ngực: Do Bác sỹ làm phẫu thuật để điều trị.

- Vết sẹo vai bên trái và vùng lưng: Do tác động bởi vật cứng có bề mặt không phẳng nhẵn gây nên.

- Tại thời điểm giám định sưng nề phần mềm vùng đỉnh phải và thái dương trái nay không để lại tổn thương gì nên Trung tâm pháp y không xác định được cơ chế".

*** Tài liệu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Nguyễn Văn L:**

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L khai bản thân bị bệnh tâm thần phân liệt. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với L. Tại bản "Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu" số 193/KLGĐ ngày 12/12/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc - Bộ Y tế kết luận:

"1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1980, trú tại khu 3, xã M, huyện H, tỉnh P không bị bệnh Tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi cản trở giao thông đường bộ ngày 25/7/2024 tại xã L, huyện H, tỉnh P, Nguyễn Văn L không bị bệnh Tâm thần. Nguyễn Văn L đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Nguyễn Văn L không bị bệnh Tâm thần. Nguyễn Văn L đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi".

*** Vật chứng thu giữ gồm:** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Air Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 19F1-296.86, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy số 0258227; 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 250156004667 mang tên Bùi Đức C và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021374 mang tên Bùi Đức C, Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản này cho anh C ngày 15/11/2024 và ngày 25/12/2024;

Vật chứng đang bị tạm giữ: 01 xe tự chế có màu xanh, xe cũ đã qua sử dụng; 01 sợi dây cáp bằng kim loại, có chiều dài 13,8 mét, đường kính 0,5 cm. Hai đầu dây cáp được gập lại với nhau bằng vòng kim loại, dây cáp đã qua sử dụng); 03 sợi dây vải, trong đó 02 dây vải có chiều dài 3,80 m, rộng 0,7 cm; 01 sợi dây vải có chiều dài 2,7 mét, rộng 0,7 cm, dây cũ đã qua sử dụng. (Theo "Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng" ngày 24/01/2025.

*** Về dân sự:** Trong "Biên bản thống nhất về bồi thường thiệt hại về sức khỏe" ngày 04/3/2025, anh C, chị B (vợ anh C), chị H (vợ bị cáo L) và bị cáo L đã thống nhất được: Tổng số tiền bị cáo L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh C tính từ ngày 25/7/2024 đến ngày 04/3/2025 là 165.000.000 đồng (bao

gồm: Chi phí khám, chữa bệnh: 28.088.874 đồng; Hóa đơn thuốc: 13.250.422 đồng; Chi phí thuê phương tiện đi lại khám chữa bệnh và trở về nơi ở là 12.200.000 đồng; Chi phí bồi dưỡng sức khỏe: 4.056.800 đồng; Thu nhập thực tế của bị hại bị mất từ ngày 25/7/2024 đến 04/3/2025: 95.875.000 đồng; Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế của người chăm sóc: 14.700.000 đồng; Chi phí tiền công chăm sóc cho bị hại trong thời gian mất khả năng lao động (từ ngày 25/7/2025 - 11/9/2025 là 49 ngày x 132.692 đồng/ ngày): 6.501.000 đồng. Với tổng số tiền thống nhất được các khoản nêu trên: 174.672.096 đồng. Tuy nhiên, anh C và chị B chỉ yêu cầu bị cáo L bồi thường 165.000.000 đồng. Bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 75.000.000 đồng (một lần 45.000.000 đồng trong quá trình anh Công điều trị và một lần 30.000.000 đồng – do chị Hoa giao cho anh Công và chị Biển theo "Giấy biên nhận tiền" ngày 24/02/2025). Ngày 03/3/2025, bị cáo Lộc đã tự nguyện bồi thường cho anh Công bằng cách nhờ vợ là chị Hoa nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (theo "Biên lai thu tiền" số 0002713). Số tiền còn lại là 40.000.000 đồng, bị cáo Lộc có trách nhiệm thanh toán cho anh Công vào ngày 10/4/2025.

Ngày 04/3/2025, các bên đã thỏa thuận được với nhau và lập biên bản thỏa thuận về số tiền bù đắp tổn thất tinh thần, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho anh Bùi Đức C số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) được thanh toán vào các thời điểm sau:

+ Ngày 05/8/2025 thanh toán 50.000.000 đồng;

+ Ngày 05/3/2026 thanh toán 50.000.000 đồng.

Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19F1-296.86, anh C đã được nhận lại. Anh C và chị B (vợ anh C) không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại gì đối với chiếc xe này.

*** Tại bản Cáo trạng** số 08/CT-VKSHH ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa để xét xử đối với Nguyễn Văn L về tội: "Cản trở giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Hạ Hòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Cản trở giao thông đường bộ" quy định tại khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điển b khoản 1 Điều 261, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Lộc từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Về dân sự: Đề nghị Hồi đồng xét xử công nhận sự thoả thuận về bồi thường dân sự giữa bị cáo L và bị hại là anh C, cụ thể:

Chi phí bồi dưỡng sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của anh C tính đến tháng 3/2025, chi phí hợp lý và thu nhập bị thiệt hại của người chăm sóc, chi phí tiền công chăm sóc cho bị hại trong thời gian mất khả năng lao động với tổng số tiền bị cáo L phải bồi thường là 165.000.000 đồng.

Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường dân sự bị cáo và bị hại thỏa thuận được là 265.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 125.000.000 đồng. Bị cáo L còn phải bồi thường cho bị hại là anh C số tiền 140.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Air Blade màu đỏ đen BKS 19F1-296.86, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021374 mang tên Bùi Đức C, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Đức C.

Trả lại cho bị cáo L 01 xe tự chế màu xanh, xe đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây cáp bằng kim loại, có chiều dài 13,8 mét, đường kính 0,5cm, hai đầu dây cáp được gập lại với nhau bằng vòng kim loại, dây cáp đã qua sử dụng; 03 sợi dây vải, trong đó 02 dây vải có chiều dài 3,80 mét, rộng 0,7 cm; 01 sợi dây vải có chiều dài 2,70 mét, rộng 0,7 cm do xét thấy không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

* Trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận về hành vi phạm tội của mình và xác định VKSND huyện H truy tố bị cáo về tội "Cản trở giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự là đúng. Chiếc xe công nông tự chế là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị H, chỉ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bị cáo xin được nhận lại. Về 01 chiếc dây cáp và 03 dây vải, bị cáo không đề nghị nhận lại. Về dân sự, bị cáo đề nghị Tòa án xác nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho anh C như đã nêu ở phần dân sự. Số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nhờ chị H nộp ngày 03/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H để bồi thường thiệt hại sức khỏe cho anh C, đề nghị Tòa án xác nhận số tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho anh C là 140.000.000 đồng.

* Bị hại (anh Bùi Đức C) có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh C, chị B, bị cáo và chị H đã thống nhất được với nhau về việc bồi thường thiệt hại cho anh C như đã nêu ở trên với tổng số tiền là 265.000.000 đồng, cùng lập biên bản thỏa thuận giao nộp để Tòa án xem xét.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chiếc xe công nông tự chế là tài sản chung của chị và bị cáo L để sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, chị xin được nhận lại. Chị H đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuân bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại với tổng số tiền là 265.000.000 đồng, xác nhận bị cáo L đã tự nguyện bồi thường được tổng số tiền là 125.000.000 đồng như đã nêu ở phần dân sự.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Sao B trình bày: Đề nghị Tòa án ghi nhận tổng số tiền bồng thường các bên đã thỏa thuận

bồi thường số tiền 265.000.000 đồng như đã nêu ở phần dân sự. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19F1-296.86 là tài sản chung của vợ chồng, chị và anh C đã nhận lại được tài sản này, chị không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại gì đối với chiếc xe này.

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Quốc T, anh Trần Ngọc T, anh Phan Văn T đều trình bày: Sáng ngày 25/7/2025, tại nơi khai thác cây keo ở khu 2, xã L, L phân công cho anh T và anh T làm nhiệm vụ buộc dây cáp vào gốc cây gỗ keo cần kéo, anh T làm nhiệm vụ cảnh giới những người tham gia giao thông theo hướng từ Quốc lộ 2D đi tới xã Y (L không phân công ai làm nhiệm vụ cảnh giới những người tham gia giao thông theo hướng ngược lại). Còn L buộc dây cáp vào đuôi xe công nông tự chế và trực tiếp lái xe để kéo gỗ. Khoảng 07 giờ 00 ngày 25/7/2024, anh C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19F1-296.86 đi theo hướng từ xã Y đi tới quốc lộ 2D đã va chạm với sợi dây cáp đang căng ngang đường do bị cáo L kéo gỗ, khi đó một đầu dây cáp nối với cây gỗ, một đầu dây cáp còn lại nối với đuôi xe công nông tự chế màu xanh do L điều khiển. Tại thời điểm va chạm, cây gỗ và xe tự chế đều nằm trong lề đường, ngoài phần đường xe chạy, không liên quan đến việc va chạm. Hậu quả, anh C bị ngã, phải đi cấp cứu ở bệnh viện.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại là anh Bùi Đức C. Xét thấy, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt anh C không cản trở đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, việc xét xử vắng mặt anh C là hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 25/07/2024, tại đường liên xã thuộc khu 2, xã L, huyện H, tỉnh P, Nguyễn

Văn L đã sử dụng dây cáp bằng kim loại dài 13,8 m, đường kính 0,5 cm buộc vào xe công nông tự chế để kéo gỗ dưới ao lên. Dây cáp bị kéo căng ngang qua đường là chướng ngại vật, gây cản trở giao thông, dẫn đến anh Bùi Đức C bị dây cáp mắc vào ngang cổ khi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19F1-296.86 đi đến, khiến anh C và phương tiện bị đổ ngã xuống đường. Hậu quả anh C bị tổn thương cơ thể 73 %.

[4] Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi nói trên của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, làm tăng khả năng gây tai nạn nghiêm trọng trong quá trình tham gia giao thông đường bộ của người khác, nhưng lại cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được. Mục đích của bị cáo là để kéo gỗ lên khỏi ao, không mong muốn gây thiệt hại cho người khác. Do vậy, xác định bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý, đã gây nên hậu quả làm anh Công bị thiệt hại về sức khỏe, tổn thương cơ thể 73%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an ninh, an toàn giao thông đường bộ, sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Do vậy. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội "*Cản trở giao thông đường bộ"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật hình sự.

Điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên".

VKSND huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "*Cản trở giao thông đường bộ"* theo điểm b khoản 1 Điều 261 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các anh Nguyễn Quốc T, Trần Ngọc T và Phan Văn T là người được bị cáo L thuê và làm việc theo sự phân công của L, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T, anh T và anh T trong vụ án này là đúng quy định.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn L được xác định không có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi vô ý.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự; trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét: Về nhân thân, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo một thời gian nhất định để đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xét sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại về sức khỏe giữa bị cáo, bị hại cùng chị H, chị B là tự nguyện, hợp pháp, cần được công nhận sự thỏa thuận.

[10] Về xử lý vật chứng: Tài sản hợp pháp của anh C là chiếc xe máy cùng các giấy tờ kèm theo đã bị Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho anh C là thực hiện đúng quy định pháp luật, cần được xác nhận. Đối với 01 sợi dây cáp trực tiếp gây cản trở giao thông đường bộ và 03 sợi dây vải không còn giá trị sử dụng, xét cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc xe công nông tự chế: Xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo L và tội phạm bị cáo đã thực hiện là do lỗi vô ý nên trả lại chiếc xe này cho bị cáo Lộc và vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 357, 584, 585, 590 và 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội *"Cản trở giao thông đường bộ"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 18 *(mười tám)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 *(ba mươi sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện H, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi làm việc, nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Bùi Đức C từ thời điểm 25/7/2024 đến hết ngày 04/3/2025, số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) và đã tự nguyện nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H (theo "Biên lai thu tiền" số 0002713 ngày 03/3/2025), để bồi thường cho anh C. Số tiền còn lại: 40.000.000 đồng, bị cáo L có trách nhiệm thanh toán cho anh C vào ngày 10/4/2025;

- Bị cáo L còn phải bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh Công số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) được thanh toán vào các thời điểm sau:

+ Ngày 05/8/2025 thanh toán 50.000.000 đồng;

+ Ngày 05/3/2026 thanh toán 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Xác nhận cơ quan điều tra Công an huyện H đã thu giữ, trả lại cho anh Bùi Đức C: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Air Blade màu đỏ đen biển kiểm soát: 19F1-296.86 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021374 mang tên Bùi Đức C, theo "Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu" ngày 15/11/2024; trả lại cho anh Bùi Đức C 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy số 0258227; 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 250156004667 mang tên Bùi Đức C theo "Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu" ngày 25/12/2024.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sợi dây cáp bằng kim loại, có chiều dài 13,8 mét, đường kính 0,5 cm. Hai đầu dây cáp được gập lại với nhau bằng vòng kim loại, dây cáp đã qua sử dụng); 03 sợi dây vải, trong đó 02 dây vải có chiều dài 3,80 m, rộng 0,7 cm; 01 sợi dây vải có chiều dài 2,7 mét, rộng 0,7 cm, dây cũ đã qua sử dụng;

Trả lại cho Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H 01 xe tự chế có màu xanh, xe cũ đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo "Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng" ngày 24/01/2025.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật) đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có QL, NVLQ;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CA tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Minh Hạc, H. Hạ Hòa;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Linh